

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04028** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Cây trồng 1 - 2**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006	7	7.5	8.0	5.0	6.0
2	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006	8	8.5	9.0	9.0	8.8
3	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006	7	7.0	8.0	5.5	6.3
4	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999	8.5	9.5	9.5	10.0	9.7
5	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006	7.5	6.5	7.0	5.0	5.8
6	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002	7	7.5	7.5	9.5	8.7
7	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003	7	7.5	7.5	6.0	6.6
8	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006	6.5	7.5	8.0	7.0	7.2
9	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006	7	7.5	8.0	8.0	7.8
10	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995	8	9.5	8.5	7.5	8.0
11	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004	7.5	8.0	8.5	8.0	8.0
12	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005	8	8.0	9.0	6.5	7.3
13	21BTBV0586	Chau Sóc Cuoi	10/04/2003	8	7.5	8.5	7.0	7.4

Châu Đốc, ngày 8 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Thị Thanh Tâm